

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tự Hiếu	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2011)
Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011)
Ông Trần Thanh Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2011, miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2011)
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2011, miễn nhiệm ngày 30 tháng 08 năm 2011)
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2011)
Ông Đặng Minh Phong	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 08 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2011)
Ông Uông Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,
Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2012

Số: 88 4/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần điện lực Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty"), từ 3 đến trang 25. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

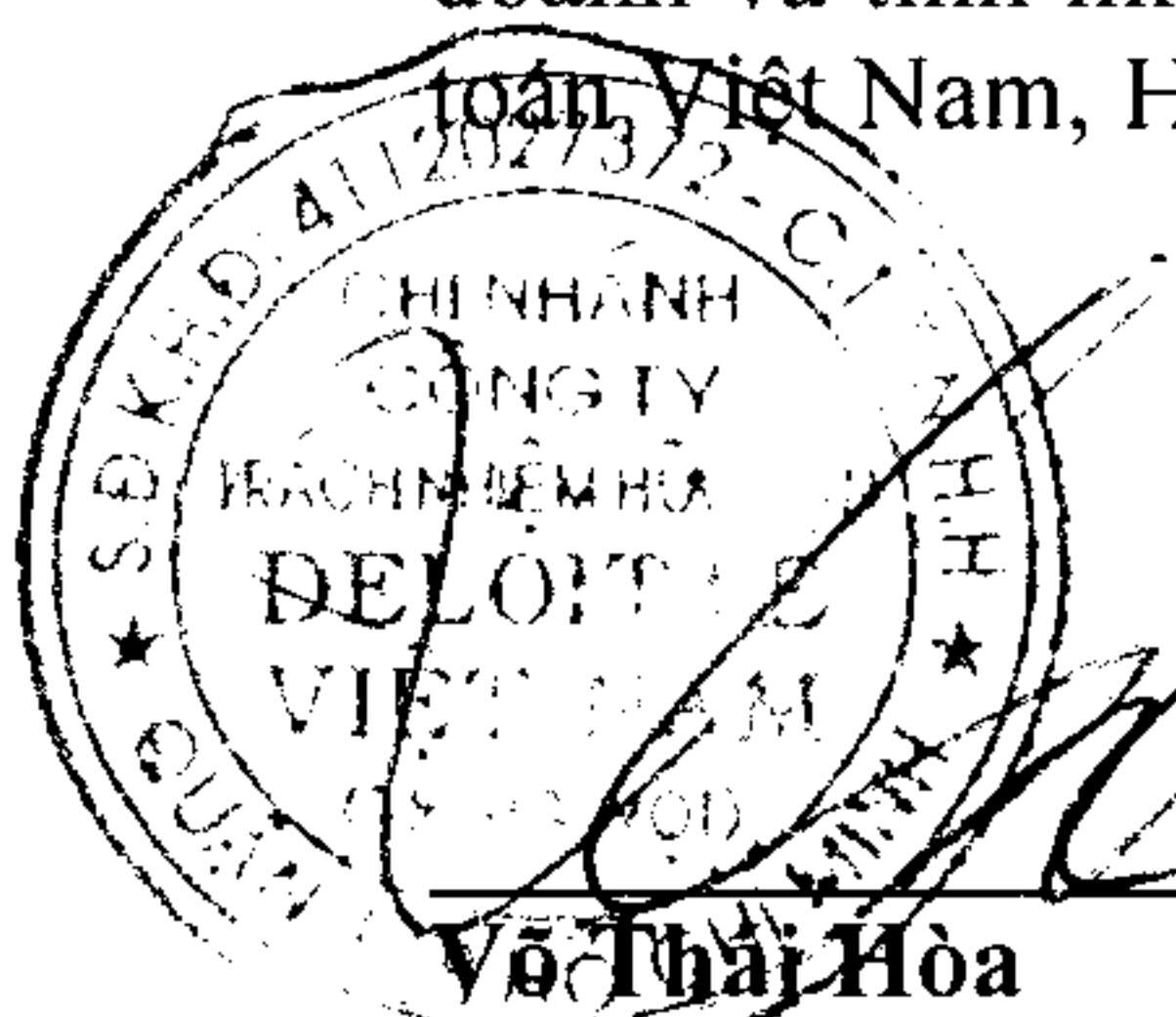
Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 1 tháng 3 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.915.753.325.077	1.761.505.805.557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		28.710.621.943	15.070.108.688
1. Tiền	111	5	28.710.621.943	15.070.108.688
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		437.801.815.184	1.232.789.078.167
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	437.801.815.184	1.232.789.078.167
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.229.505.566.672	436.628.028.894
1. Phải thu khách hàng	131	7	136.180.072.802	-
2. Trả trước cho người bán	132	8	29.299.507.639	345.568.879.085
3. Các khoản phải thu khác	135	9	1.064.025.986.231	91.059.149.809
IV. Hàng tồn kho	140	10	181.210.013.298	-
1. Hàng tồn kho	141		181.210.013.298	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.525.307.980	77.018.589.808
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.499.996	2.151.828
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.271.807.984	73.137.527.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3.628.910.130
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		244.000.000	250.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.557.041.056.704	9.741.255.033.271
I. Tài sản cố định	220		11.066.427.286.240	8.810.786.839.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	10.980.469.827.719	6.765.642.408
- Nguyên giá	222		11.201.196.368.577	10.394.640.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(220.726.540.858)	(3.628.998.270)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	85.957.458.521	8.804.021.197.386
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.140.000.000	11.140.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	11.140.000.000	11.140.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.479.473.770.464	919.328.193.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.479.473.770.464	919.328.193.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.472.794.381.781	11.502.760.838.828

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.695.558.975.718	8.726.646.205.213
I. Nợ ngắn hạn	310		2.412.749.559.814	1.668.956.916.914
1. Vay ngắn hạn	311	15	1.162.373.439.872	1.067.363.731.610
2. Phải trả người bán	312		485.661.466.020	589.018.115.546
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.541.118.404	151.187.043
4. Phải trả người lao động	315		8.503.411.323	2.377.699.871
5. Chi phí phải trả	316	17	743.620.426.195	6.585.060.143
6. Các khoản phải trả khác	319		6.276.353.270	551.581.299
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.773.344.730	2.909.541.402
II. Nợ dài hạn	330		9.282.809.415.904	7.057.689.288.299
1. Vay dài hạn	334	18	9.278.162.482.711	7.053.042.355.106
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.646.933.193	4.646.933.193
B. NGUỒN VỐN	400		2.777.235.406.063	2.776.114.633.615
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	2.777.235.406.063	2.776.114.633.615
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		163.455.502.290	163.455.502.290
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	6.541.765.513
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.512.572.631	17.930.478.253
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		34.267.331.142	28.186.887.559
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.472.794.381.781	11.502.760.838.828

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		883.087,83	38.996,29
- EUR		225,83	147.449,08



Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc
Ngày 1 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Hữu Minh

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu thuần về bán hàng	10		951.974.361.310	-
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		(853.174.423.210)	-
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		98.799.938.100	-
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	180.022.201.574	83.014.619.303
5. Chi phí tài chính	22	22	(214.060.059.079)	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(70.938.555.916)	-
6. Chi phí bán hàng	24		(23.321.066)	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(41.384.899.444)	(40.823.983.694)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.353.860.085	42.190.635.609
9. Thu nhập khác	31		45.695.000	8.571.600
10. Chi phí khác	32	23	(5.297.001.446)	(1.259.033)
11. Lợi nhuận khác	40		(5.251.306.446)	7.312.567
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.102.553.639	42.197.948.176
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(2.686.015.678)	(10.556.060.617)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>15.416.537.961</u>	<u>31.641.887.559</u>

**Hoàng Xuân Quốc****Tổng Giám đốc**

Ngày 1 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Hữu Minh**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.102.553.639	42.197.948.176
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	216.716.428.381	1.445.465.839
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(131.543.706.667)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(45.397.097.189)	(83.014.619.303)
Chi phí lãi vay	06	70.938.555.916	-
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	128.816.734.080	(39.371.205.288)
Tăng các khoản phải thu	09	(1.071.900.944.874)	(98.662.222.929)
Tăng hàng tồn kho	10	(181.210.013.298)	-
Tăng các khoản phải trả	11	404.462.411.687	16.909.008.542
Tăng chi phí trả trước	12	(34.870.898.156)	(919.315.914.214)
Tiền lãi vay đã trả	13	(288.399.976.176)	(132.307.941.024)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.197.653.095)	(43.303.236.502)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.890.196.672)	(6.038.793.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.051.190.536.504)	(1.222.090.304.790)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(1.725.328.359.306)	(5.735.360.405.310)
2. Tiền thu hồi từ đầu tư	26	842.757.646.760	933.655.728.653
3. Thu lãi tiền gửi	27	45.664.549.818	80.300.567.178
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(836.906.162.728)	(4.721.404.109.479)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.097.954.341.456	12.618.096.154.057
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.196.337.154.840)	(6.663.609.471.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.901.617.186.616	5.954.486.682.179
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	13.520.487.384	10.992.267.910
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	15.070.108.688	5.172.889.170
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	120.025.871	(1.095.048.392)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	28.710.621.943	15.070.108.688

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 154.792.708.227 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm số tiền 2.446.599.496 đồng (2010: 2.714.052.125 đồng), là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.



Hoàng Văn Quốc
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 18 tháng 5 năm 2011

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 165 người (năm 2010: 80 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết, bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện. Trong năm Công ty đã hoàn thành việc xây dựng cơ bản dự án Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và đưa vào vận hành chính thức vào ngày 17 tháng 10 năm 2011.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 20
Máy móc thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì bảo dưỡng và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện, lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản phí bảo hiểm và chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đơn giá bán điện trong giai đoạn vận hành thương mại từ ngày 17 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 được xác định dựa trên cơ sở biên bản đàm phán đã thống nhất về nội dung và điều khoản hợp đồng bán điện áp dụng cho giai đoạn vận hành thương mại NMD Nhơn Trạch 2 ngày 23 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong giai đoạn xây dựng cơ bản Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng Nhà máy hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế đã được ghi nhận không tính vào nguyên giá của tài sản cố định mà phân bổ vào thu nhập tài chính hay chi phí tài chính trong vòng 12 tháng kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Sau khi Công ty vận hành thương mại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	91.096.046	164.072.370
Tiền gửi ngân hàng	28.619.525.897	14.906.036.318
	<u>28.710.621.943</u>	<u>15.070.108.688</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng và tổ chức tài chính với mức lãi suất từ 11,35%/năm đến 14%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng thể hiện khoản phải thu tiền điện của Công ty Mua bán điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 đã xuất hóa đơn theo biên bản đàm phán đã thống nhất về nội dung và điều khoản hợp đồng bán điện áp dụng cho giai đoạn vận hành thương mại NMD Nhơn Trạch 2 ngày 23 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 áp dụng cho giai đoạn chạy thử nghiệm thu Chu trình đơn và chạy thử nghiệm thu Chu trình hỗn hợp.

Đối với phần tiền điện đã xuất hóa đơn cho các khách hàng sẽ được ghi nhận trên tài khoản phải thu khách hàng. Phần tiền điện chưa xuất hóa đơn sẽ được tạm thời ghi nhận trên tài khoản phải thu khác và được kết chuyển sang tài khoản phải thu khách hàng ngay khi hóa đơn được phát hành.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản tạm ứng cho nhà thầu để thực hiện các công việc thiết kế, chế tạo, cung cấp các loại vật tư tiêu hao đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và các công việc theo sơ đồ đường găng của Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Ban Quản lý Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	24.498.479.867	40.120.000.000
Công ty CP Hóa dầu Dầu khí Vidamo	608.495.084	-
Công ty TNHH TMDV Lam Thạch	544.320.000	-
CT Cổ phần Phân bón và Hóa chất Đông Nam Bộ	1.300.860.000	-
CN Viện Dầu khí – TTNC&PT&An toàn Dầu khí	599.785.131	-
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	-	299.889.791.684
Các khoản trả trước khác	1.747.567.557	5.559.087.401
	29.299.507.639	345.568.879.085

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền bán điện cho Công ty Mua bán điện (EPTC)	1.047.171.797.441	-
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC)	14.321.325.542	-
Lãi dự thu	2.446.599.496	2.714.052.125
Khác	86.263.752	88.345.097.684
	1.064.025.986.231	91.059.149.809

Phải thu khác chủ yếu là khoản tiền điện phải thu Công ty Mua bán điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 chưa xuất hóa đơn được xác định trên cơ sở biên bản đàm phán đã thống nhất về nội dung và điều khoản hợp đồng bán điện áp dụng cho giai đoạn vận hành thương mại NMD Nhơn Trạch 2 ngày 23/12/2011 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. Khoản tiền bán điện này bao gồm doanh thu bán điện tạm tính là 951 tỷ đồng và thuế giá trị gia tăng là 95 tỷ đồng.

10. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thể hiện giá trị dầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao phục vụ quá trình vận hành thương mại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B 09-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	-	-	9.086.014.445	1.308.626.233	10.394.640.678
Tăng	-	-	1.171.179.181	914.439.694	2.085.618.875
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.571.144.763.642	9.601.066.633.731	16.504.711.651	-	11.188.716.109.024
Tại ngày 31/12/2011	1.571.144.763.642	9.601.066.633.731	26.761.905.277	2.223.065.927	11.201.196.368.577
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	-	-	2.721.658.890	907.339.380	3.628.998.270
Tăng	16.261.852.869	198.731.755.595	1.442.909.833	279.910.084	216.716.428.381
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	381.114.207	-	381.114.207
Tại ngày 31/12/2011	16.261.852.869	198.731.755.595	4.545.682.930	1.187.249.464	220.726.540.858
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	1.554.882.910.773	9.402.334.878.136	22.216.222.347	1.035.816.463	10.980.469.827.719
Tại ngày 31/12/2010	-	-	6.364.355.555	401.286.853	6.765.642.408

Ngày 22 tháng 10 năm 2011 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã cấp “Chúng tôi chấp nhận tạm thời Chu trình hợp Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 – 750MW” (PAC) được ký bởi chủ đầu tư và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Theo đó, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã chính thức kết thúc giai đoạn chạy thử nghiệm, chạy thử thách tin cậy và sẵn sàng đi vào vận hành thương mại chu trình hỗn hợp kể từ 16 giờ 00 ngày 16 tháng 10 năm 2011.

Theo Quyết định số 80/QĐ – CPNT2 ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, giá trị tài sản cố định hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được tạm chấp nhận là 11.190.287.657.388 đồng để làm cơ sở trích khấu hao kể từ ngày cấp chứng chỉ chấp nhận tạm thời cho toàn bộ công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Giá trị tài sản cố định Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sẽ được xác định và điều chỉnh sau khi có quyết toán công trình hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ
(CHỖ ĐÓNG CHỮ)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	8.804.021.197.386	1.838.792.742.641
Tăng	3.577.317.685.961	6.965.228.454.745
Chuyển sang nguyên giá tài sản cố định	(11.188.716.109.024)	-
Giảm khác	(1.106.665.315.802)	-
Tại ngày 31 tháng 12	85.957.458.521	8.804.021.197.386

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đi vay được vốn hóa trong năm với số tiền là 310.230.552.628 đồng (2010: 269.638.908.831 đồng) và các khoản chi phí phát sinh cho việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và thực hiện công việc theo sơ đồ đường găng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt được công suất 750MV.

Theo nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Hội Đồng Quản Trị Công ty, chênh lệch giữa doanh thu tiền điện và các chi phí bán điện phát sinh trước ngày cấp PAC* cho chu trình hỗn hợp Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 được ghi nhận tăng/giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thể hiện giá trị các tài sản phục vụ cho việc quản lý, vận hành và bảo vệ Nhà máy chưa hoàn thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tính đến 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco").

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty không thu thập được giá thị trường và cho rằng giá thị trường của các khoản đầu tư này cao hơn giá gốc, vì thế không cần thiết phải lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	919.328.193.477	14.431.091
Tăng	756.315.874.866	921.083.963.023
Phân bổ vào chi phí trong năm	(196.170.297.879)	(1.770.200.637)
Tại ngày 31 tháng 12	1.479.473.770.464	919.328.193.477

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết số dư của khoản chi phí trả trước dài hạn tại ngày kết thúc niên độ:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	628.752.088.070	689.024.819.945
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	372.756.753.623	222.416.422.770
Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc	16.199.597.037	7.653.311.438
Chênh lệch tỉ giá hối đoái lũy kế	452.892.039.738	
Chi phí khác	8.873.291.996	233.639.324
	<u>1.479.473.770.464</u>	<u>919.328.193.477</u>

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

- Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.

- Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 EOH. Phí huy động, phí cố định và phí biến đổi được thanh toán trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, căn cứ điều khoản của hợp đồng này, Công ty đã nhập khẩu lượng vật tư đi kèm với tổng giá trị tính thuế nhập khẩu là: 4.677.627.57 EUR tương đương 133.058.861.603 đồng.

- Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án. Các khoản lãi vay này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

- Chênh lệch tỉ giá hối đoái lũy kế phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đến thời điểm cấp chứng chỉ PAC vào ngày 16 tháng 10 năm 2011 và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian là 12 tháng kể từ ngày Công ty được cấp chứng chỉ PAC.

15. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	-	1.046.600.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.162.373.439.872	20.763.731.610
Tổng	<u>1.162.373.439.872</u>	<u>1.067.363.731.610</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế thu nhập cá nhân	329.644.724	151.187.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.211.473.680	-
	<u>2.541.118.404</u>	<u>151.187.043</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Lãi vay tạm trích	26.117.007.093	5.658.395.255
Chi phí bảo trì	97.394.443.190	-
Chi phí nguyên liệu	513.269.076.844	-
Thuế VAT đầu ra tạm tính	95.197.436.131	-
Khác	11.642.462.937	926.664.888
	743.620.426.195	6.585.060.143

Chi phí nguyên liệu là khoản công nợ phải trả cho nguyên liệu khí dùng trong quá trình vận hành Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Thuế giá trị gia tăng đầu ra tạm trích căn cứ vào khoản doanh thu bán điện tạm tính và chưa xuất hóa đơn như đã nêu ở Thuyết minh số 9 bên trên.

18. VAY DÀI HẠN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Vay dài hạn	10.440.535.922.583	7.073.806.086.716
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(1.162.373.439.872)	(20.763.731.610)
Tổng	9.278.162.482.711	7.053.042.355.106

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15 tháng 12 năm 2011. Lần trả nợ cuối cùng vào ngày 15 tháng 3 năm 2014. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank HCM tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng, lãi suất này được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 7.471.278 EUR.

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010 Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 Đô la Mỹ và 202.585.883 Euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 1 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 195.086.352 Euro và 213.529.427 Đô la Mỹ.

Vào ngày 20 tháng 1 năm 2011 và 31 tháng 3 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank), Chi nhánh thành phố Hà Nội với hạn mức 200 tỷ đồng với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và hạn mức 600 tỷ đồng với thời hạn vay không quá ngày 24 tháng 1 năm 2023. Nợ gốc của các khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 21 kỳ, nhưng không quá ngày 24 tháng 1 năm 2023. Lần trả nợ gốc đầu tiên của các khoản vay nêu trên vào ngày 25 tháng 6 năm 2012. Các khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Vietinbank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng và các lãi suất này được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Số dư nợ gốc của các khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 199.979.699.745 đồng và 315.113.749.186 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	1.162.373.439.872	20.763.731.610
Trong năm thứ hai	1.162.373.415.328	805.809.527.619
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.240.163.608.117	2.272.082.521.002
Sau năm năm	4.875.625.459.266	3.975.150.306.485
	10.440.535.922.583	7.073.806.086.716
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.162.373.439.872)</u>	<u>(20.763.731.610)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	9.278.162.482.711	7.053.042.355.106

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>31/12/2011</u>		<u>31/12/2010</u>	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VNĐ</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ phần được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Vốn đã góp tại ngày 31/12/2011</u>		<u>Vốn đã góp tại ngày 31/12/2010</u>	
	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.607.661.500.000	62,80%	1.326.061.500.000	51,80%
Tổng công ty Tài chính Cổ Phần Dầu khí Việt Nam	-	0,00%	281.600.000.000	11,00%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	256.000.000.000	10,00%	256.000.000.000	10,00%
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5,00%	128.000.000.000	5,00%
Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam	128.000.000.000	5,00%	128.000.000.000	5,00%
Công ty ElectricPower Development (J-Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5,00%	128.000.000.000	5,00%
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	64.000.000.000	2,50%	64.000.000.000	2,50%
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.000.000.000	2,50%	64.000.000.000	2,50%
Các cổ đông khác	184.338.500.000	7,20%	184.338.500.000	7,20%
	2.560.000.000.000	100%	2.560.000.000.000	100%

Theo Quyết định số 98/QĐ/HĐTV-ĐLDK ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 cho Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam với số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng là 28.160.000 cổ phần tương ứng với 11% Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	<u>Vốn điều lệ</u> VNĐ	<u>Vốn khác của chủ sở hữu</u> VNĐ	<u>Chênh lệch tỷ giá</u> VNĐ	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u> VNĐ	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u> VNĐ	<u>Tổng</u> VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	2.560.000.000.000	-	123.934.916.030	11.140.000.000	175.499.315.320	2.870.574.231.350
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(117.393.150.517)	-	-	(117.393.150.517)
Phân phối từ lợi nhuận	-	163.455.502.290	-	6.790.478.253	(178.954.315.320)	(8.708.334.777)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	31.641.887.559	31.641.887.559
Số dư tại ngày 31/12/2010	2.560.000.000.000	163.455.502.290	6.541.765.513	17.930.478.253	28.186.887.559	2.776.114.633.615
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(6.541.765.513)	-	-	(6.541.765.513)
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	-	1.582.094.378	(9.336.094.378)	(7.754.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.416.537.961	15.416.537.961
Số dư tại ngày 31/12/2011	2.560.000.000.000	163.455.502.290	-	19.512.572.631	34.267.331.142	2.777.235.406.063

Theo nghị quyết số 10/NQ-CPNT2 của Đại Hội đồng Thường Niên năm 2011 ngày 22 tháng 4 năm 2011 và Quyết định số 59/QĐ-CPNT2 ngày 3 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển là 1.582.094.378 đồng (2010: 6.790.478.253 đồng) và quỹ khen thưởng phúc lợi là 7.754.000.000 đồng (Năm 2010: 8.708.334.777 đồng). Trong năm, các quỹ này đã được trích lập đầy đủ từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.661.411.685	-
Chi phí nhân công	32.924.010.150	19.074.594.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	216.716.428.381	1.457.120.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.577.014.555	15.775.457.833
Chi phí khác	1.703.778.949	4.653.527.739
Tổng cộng	894.582.643.720	40.960.700.801

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lãi tiền gửi	45.397.097.189	83.014.619.303
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.081.397.718	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	131.543.706.667	-
Tổng cộng	180.022.201.574	83.014.619.303

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lãi tiền vay	70.938.555.916	-
Phí bảo hiểm khoản vay	12.414.174.854	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.997.786.701	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện phân bổ	119.182.115.721	-
Khác	4.527.425.887	-
Tổng cộng	214.060.059.079	-

23. CHI PHÍ KHÁC

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tiền lãi phạt do chậm thanh toán	5.295.593.501	-
Khác	1.407.945	1.259.033
Tổng cộng	5.297.001.446	1.259.033

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	18.102.553.639	42.197.948.176
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	132.000.000	198.513.033
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(120.025.871)	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh của năm trước	-	(574.062.469)
Thu nhập chịu thuế	18.114.527.768	41.822.398.740
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.528.631.942	10.455.599.685
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến miễn giảm cho hoạt động chính	(1.842.616.264)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	100.460.932
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.686.015.678	10.556.060.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm đầu tiên công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm đầu tiên miễn thuế.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Công ty đã xác định các khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính mang tính chất là thu nhập khác theo thông tư số 18/2011/TT-BTC ban hành ngày 10 tháng 2 năm 2011 bởi Bộ Tài chính và các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình xây dựng cơ bản được phân bổ vào chi phí tài chính trong kỳ mang tính chất là chi phí khác do các văn bản hiện hành chưa có quy định chi tiết về tính chất của khoản chi phí này cho đến thời điểm Công ty quyết toán thuế Thu nhập Doanh nghiệp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản cam kết vốn đã được phê duyệt	68.647.065.545	3.883.350.000.000

Các khoản cam kết vốn này đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 liên quan đến công việc xây lắp và tư vấn giám sát khu quản lý vận hành, xin cấp phép đạt chuẩn môi trường, quyết toán vốn đầu tư, và hợp đồng EPC.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 18, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	28.710.621.943	15.070.108.688
Đầu tư ngắn hạn	437.801.815.184	1.232.789.078.167
Phải thu khách hàng	136.180.072.802	-
Các khoản phải thu khác	1.064.025.986.231	91.059.149.809
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác	11.140.000.000	11.140.000.000
Tổng cộng	1.677.868.496.160	1.350.068.336.664
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	1.162.373.439.872	1.067.363.731.610
Phải trả người bán	485.661.466.020	589.018.115.546
Chi phí phải trả	743.620.426.195	6.585.060.143
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.276.353.270	551.581.299
Vay và nợ dài hạn	9.278.162.482.711	7.053.042.355.106
Tổng cộng	11.676.094.168.068	8.716.560.843.704

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Đô la Mỹ (USD)	4.492.825.397.824	4.207.433.861.112	18.392.925.659	738.277.762
Euro (EUR)	5.486.370.759.419	4.303.393.422.669	6.107.440	3.825.566.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt nam phát sinh trong năm 2011. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 27.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Công nợ tài chính				
Vay và nợ ngắn hạn	1.162.373.439.872	-	-	1.162.373.439.872
Phải trả người bán	485.661.466.020	-	-	485.661.466.020
Chi phí phải trả	743.620.426.195	-	-	743.620.426.195
Các khoản phải trả khác	6.276.353.270	-	-	6.276.353.270
Vay và nợ dài hạn	-	4.402.537.023.445	4.875.625.459.266	9.278.162.482.711
Tổng cộng	2.397.931.685.357	4.402.537.023.445	4.875.625.459.266	11.676.094.168.068
Tại ngày 31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Công nợ tài chính				
Vay và nợ ngắn hạn	1.067.363.731.610	-	-	1.067.363.731.610
Phải trả người bán	589.018.115.546	-	-	589.018.115.546
Chi phí phải trả	6.585.060.143	-	-	6.585.060.143
Các khoản phải trả khác	551.581.299	-	-	551.581.299
Vay và nợ dài hạn	-	3.077.892.048.621	3.975.150.306.485	7.053.042.355.106
Tổng cộng	1.663.518.488.598	3.077.892.048.621	3.975.150.306.485	8.716.560.843.704

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền	28.710.621.943	-	-	28.710.621.943
Đầu tư ngắn hạn	437.801.815.184	-	-	437.801.815.184
Phải thu khách hàng	136.180.072.802	-	-	136.180.072.802
Các khoản phải thu khác	1.064.025.986.231	-	-	1.064.025.986.231
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	-	-	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	11.140.000.000	-	11.140.000.000
Tổng cộng	1.666.728.496.160	11.140.000.000	-	1.677.868.496.160
31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền	15.070.108.688	-	-	15.070.108.688
Đầu tư ngắn hạn	1.232.789.078.167	-	-	1.232.789.078.167
Các khoản phải thu khác	91.059.149.809	-	-	91.059.149.809
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	-	-	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	11.140.000.000	-	11.140.000.000
Tổng cộng	1.338.928.336.664	11.140.000.000	-	1.350.068.336.664

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tạm ứng		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí	-	184.634.784
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	2.487.977.493
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua bán điện (EPTC) - EVN	2.027.378.009.506	-
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty khí Việt Nam	1.473.053.939.883	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	261.874.150.813	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	234.438.235.917	-
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	217.974.003.259	937.302.996.691
TCT Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	13.338.858.613	26.598.378.070
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	12.011.884.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	9.083.207.273	10.859.559.798
Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí VN	5.593.478.466	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	4.139.059.395	3.496.008.083
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	2.109.897.409	9.895.669.849
TCT Tài chính cổ phần Dầu khí VN - CN HCM	1.578.435.600	5.728.180.910
Công ty Cổ phần hóa dầu dầu khí Vidamo	811.414.683	-
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	490.627.500	-
Công ty Cp phân bón & hóa chất ĐNB	407.340.000	-
CN Viện DK VN- TT NC &PT an toàn & MT Dầu Khí	352.929.491	-
Công ty bảo hiểm Dầu khí TP HCM	270.954.137	-
Thu nhập tài chính		
Lãi tiền gửi từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	5.383.277.640	15.761.881.013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lương và các khoản phúc lợi khác	4.909.830.959	4.872.390.959

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trả trước nhà cung cấp		
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	24,498,479,867	40.120.000.000
Công ty Cp phân bón & hóa chất ĐNB	1,300,860,000	-
Công ty Cổ phần hóa dầu dầu khí Vidamo	608,495,084	-
CN Viện DK VN- TT NC &PT an toàn & MT Dầu Khí	599,785,131	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí	-	1.081.325.634
Phải thu khác		
Lãi dự thu từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	377.222.222	274.908.354

Phải trả

Tổng Công ty khí Việt Nam	300.023.952.348	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	121.564.380.813	-
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	13.075.889.987	67.090.435.668
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.603.060.570	-
Công ty bảo hiểm Dầu khí TP HCM	-	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí	2.288.400.000	2.288.400.000
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	843.958.964	9.895.669.849
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	234.840.375	-
Công ty Cp phân bón & hóa chất ĐNB	78.840.000	-
Công ty Cổ phần hóa dầu dầu khí Vidamo	69.942.250	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2	-	2.025.759.500

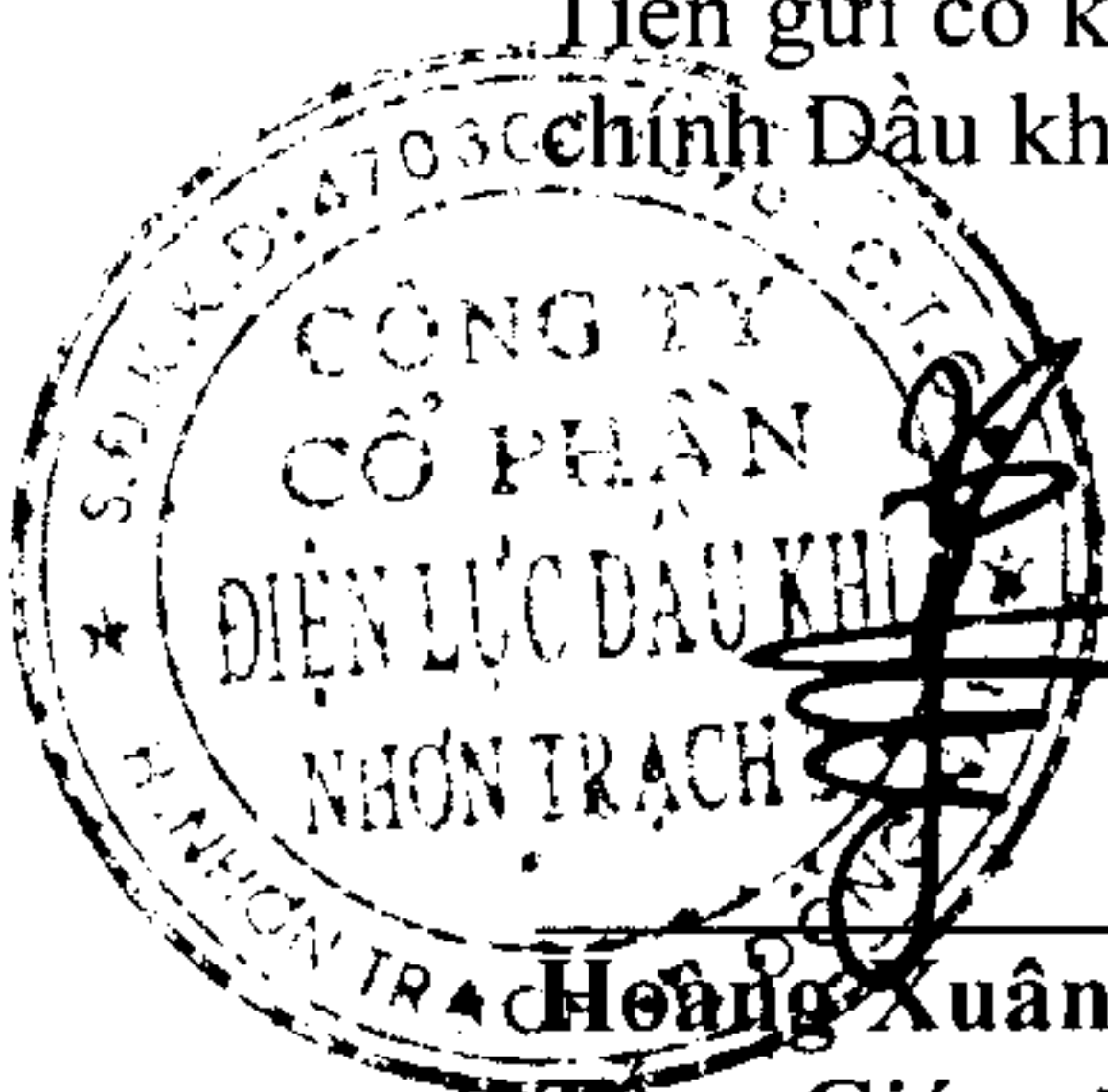
Phải trả khác

Tổng Công ty khí Việt Nam	5.295.593.501	-
Lãi vay dự trả cho Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	-	494.335.535

Đầu tư tài chính

Tiền gửi có kỳ hạn tại Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam

50.000.000.000	1.069.658.000.000
----------------	-------------------



Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng